

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2022/DS-PT

Ngày 27 - 6 - 2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Triết

*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Bằng;

Ông Hoàng Kim Khánh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Khánh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 76/2022/DS - PT về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án sơ thẩm 14/2022/DS-ST ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân huyện Ea H’leo, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 87/2022/QĐ-PT ngày 18/05/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2022/QĐ-PT ngày 09/6/2022, giữa các đương sự:

- N đơn: Bà Trương Thị Tuyết S; địa chỉ: TT E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lê N; địa chỉ: Buôn A, huyện H, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Kim L; địa chỉ: TT E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Trịnh Gia Q; địa chỉ: 146/12 Nguyễn Tri Phương, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Huỳnh Thị Kim L.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà S là nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 10/3/2021 chị S cho chị L vay 90.000.000 đồng, thời hạn trả nợ vào ngày 30/7/2021, trong HĐ không thỏa thuận lãi suất.

Ngày 10/4/2021 chị S cho chị L vay 50.000.000 đồng, thời hạn trả nợ vào ngày 30/7/2021, trong HĐ thỏa thuận lãi suất 02%/tháng.

Ngày 24/5/2021 chị S cho chị L vay 150.000.000 đồng, thời hạn trả nợ vào ngày 30/7/2021, trong HĐ không thỏa thuận lãi suất.

Ngày 05/6/2021 chị S cho chị L vay 15.000.000 đồng, thời hạn trả nợ vào ngày 15/6/2021, trong HĐ không thỏa thuận lãi suất.

Ngày 05/6/2021 chị S cho chị L vay 150.000.000 đồng, thời hạn trả nợ vào ngày 30/7/2021, trong HĐ không thỏa thuận lãi suất.

Ngày 12/6/2021 chị S cho chị L vay 15.000.000 đồng, thời hạn trả nợ vào ngày 18/6/2021, trong HĐ không thỏa thuận lãi suất.

Ngày 24/6/2021 chị S cho chị L vay 210.000.000 đồng, thời hạn trả nợ vào ngày 30/7/2021, trong HĐ thỏa thuận lãi suất 02%/tháng.

Ngày 05/7/2021 chị S cho chị L vay 210.000.000 đồng, thời hạn trả nợ vào ngày 30/7/2021, trong HĐ không thỏa thuận lãi suất.

Ngày 12/7/2021 chị S cho chị L vay 30.000.000 đồng, thời hạn trả nợ vào ngày 12/8/2021, trong HĐ không thỏa thuận lãi suất.

Ngày 17/7/2021 chị S cho chị L vay 36.000.000 đồng, thời hạn trả nợ vào ngày 30/7/2021, trong HĐ không thỏa thuận lãi suất.

Ngày 17/7/2021 chị S cho chị L vay 15.000.000 đồng, thời hạn trả nợ vào ngày 25/7/2021, trong HĐ không thỏa thuận lãi suất.

Ngày 19/7/2021 chị S cho chị L vay 264.000.000 đồng, thời hạn trả nợ vào ngày 30/7/2021, trong HĐ không thỏa thuận lãi suất.

Ngày 25/7/2021 chị S cho chị L vay 45.000.000 đồng, thời hạn trả nợ vào ngày 30/7/2021, trong HĐ không thỏa thuận lãi suất.

Ngày 25/7/2021 chị S cho chị L vay 55.000.000 đồng, thời hạn trả nợ vào ngày 30/7/2021, trong HĐ thỏa thuận lãi suất 02%/tháng.

Ngày 28/7/2021 chị S cho chị L vay 300.000.000 đồng, thời hạn trả nợ vào

ngày 30/7/2021, trong HĐ thỏa thuận lãi suất 02%/tháng.

Ngày 04/8/2021 chị S cho chị L vay 6.000.000 đồng, thời hạn trả nợ vào ngày 12/8/2021, trong HĐ không thỏa thuận lãi suất.

Tổng cộng chị L vay của chị S 1.641.000.000 đồng.

Do chị L không trả nợ đúng cam kết, nên chị S yêu cầu chị L trả số tiền còn nợ là 1.641.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, chị S không có yêu cầu nào khác.

*Trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:*

Quá trình làm ăn chị L có vay của chị S số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 09/6/2021, lãi suất 10.000.000 đồng/ngày và đóng lãi vào ngày 09 hàng tháng. Sau một thời gian chị L không có khả năng tiếp tục trả lãi và xin hên trả từ từ nhưng chị S không đồng ý. Đến ngày 31/01/2021 chị S soạn sẵn hợp đồng vay mượn tiền đưa cho chị L 8.000.000 đồng rồi yêu cầu ông C, bà D và chị L cùng ký vào số tiền nợ lên đến 300.000.000 đồng và thế chấp bằng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bố mẹ chị L là ông C, bà D. Nhận thấy việc chị S dùng những hợp đồng các bên đã thanh toán xong để khởi kiện buộc chị L trả nợ số tiền 1.641.000.000 đồng và lãi suất phát sinh là không đúng và trong đó có 01 giấy không phải chữ ký của chị L đó là ngày 04/8/2021.

Từ việc chị L vay chị S 100.000.000 đồng và chị S tính tiền lãi mới phát sinh ra các giấy hợp đồng vay nợ mà chị S đang khởi kiện nói trên. Tuy nhiên các khoản nợ từ ngày 10/3/2021 đến ngày 12/6/2021 chị L đã thanh toán nợ bằng tiền của chị L và tiền vay lại của chị S, nhưng chị L không lấy lại các giấy nợ từ ngày 10/3 đến ngày 12/6/2021 vì chị S nói giấy tờ này đã nằm trong sổ, xé ra rách sổ. Đến ngày 24/6/2021 chị S chốt các khoản nợ trên bằng tờ giấy vàng do chị S viết ra thì chị L còn nợ lại chị S 140.000.000 đồng, nhưng thực chất trong tờ giấy vàng ghi tính lãi chị S tính số tiền 192.500.000 đồng trừ tiền cũ 140.000.000 đồng còn dư 52.500.000 đồng đưa lại cho chị L. Tại HĐ vay mượn tiền ngày 24/6/2021 chị S tính lãi nên tại HĐ này có nội dung là chị L vay số tiền 210.000.000 đồng

Từ ngày 05/7/2021 đến ngày 28/7/2021 chị L cũng đã thanh toán nợ bằng tiền của chị L và tiền vay lại của chị S (trong đó có cả khoản nợ ngày 24/6/2021 là 210.000.000), nhưng chị L không lấy lại các giấy nợ từ ngày 05/7 đến ngày 28/7/2021 và giấy nợ ngày 24/6/2021 vì chị S nói giấy tờ này đã nằm trong sổ, xé ra rách sổ. Từ ngày 05/7/2021 đến ngày 28/7/2021 chị L chỉ còn nợ lại chị S 240.000.000 đồng. Đối với HĐ vay mượn tiền ngày 04/8/2021 chị S giả chữ ký của chị L chứ chị L không nợ khoản tiền này.

Nay chị S khởi kiện yêu cầu chị L trả số tiền nợ đối với 16 HĐ vay mượn tiện nói trên với số tiền 1.641.000.000 đồng, chị L không đồng ý. Vì chị L cho rằng đã trả cho chị S, nhưng không lấy lại giấy nợ và chị S tính lãi suất quá cao. Nay chị L chỉ chấp nhận trả cho chị S số tiền còn nợ là 240.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

*Tại bản án sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:*

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Tuyết S.

Buộc chị Huỳnh Thị Kim L trả cho chị Trương Thị Tuyết S 1.810.561.000 đồng (một tỷ, tám trăm mười triệu, năm trăm sáu mươi một nghìn đồng), trong đó 1.641.000.000 đồng tiền nợ gốc và 169.561.000 đồng tiền nợ lãi.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về biện pháp khẩn cấp tạm thời, chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và quyền thi hành án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/3/2022 bị đơn bà Huỳnh Thị Kim L kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng buộc bà L phải trả cho bà S tổng số tiền 240.000.000đ. Bởi lẽ, cấp sơ thẩm chấp nhận 04 hợp đồng vay ngày 17/7/2021; 25/7/2021 (02 hợp đồng); ngày 04/8/2021 là không có căn cứ vì các hợp đồng vay này là do bà S giả chữ ký của bà L. Bên cạnh đó, bà L đã trả một phần tiền vay cho bà S.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bị đơn cho rằng các hợp đồng vay ngày 17/7/2021; 25/7/2021 (02 hợp đồng); ngày 04/8/2021 không phải do bà L ký vay nên bị đơn không đồng ý trả tiền. Xét thấy, tại kết luận giám định ngày số: 189/KLGD-PC09 ngày 19/11/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự thuộc Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận

chữ viết mang tên “Huỳnh Thị Kim L” tại mục “Bên vay” của các hợp đồng trên là do bà L viết ra. Do đó, đã có đủ căn cứ để xác định tại bà L chính là người vay tiền của bà S trong các hợp đồng trên. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn không cung cấp được các tài liệu chứng cứ để chứng minh việc bị đơn đã trả nợ cho nguyên đơn và hiện nay chỉ còn nợ 240.000.000đ, đồng thời phía nguyên đơn cũng không thừa nhận việc này. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Kim L làm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Trương Thị Tuyết S khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Kim L phải trả số nợ gốc là 1.641.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật. Cùng với việc khởi kiện của mình bà S đã xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là 16 Hợp đồng vay mượn tiền (Từ bức lục 105 đến bức lục 120). Còn bị đơn cung cấp cho Tòa án 01 mẫu giấy màu vàng đề ngày 24/6/2021 (bức lục 156) để chứng minh cho việc trả nợ cho nguyên đơn. Tuy nhiên, tại Kết luận giám định số: 05/KLGD-PC09 ngày 06/01/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự thuộc Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Không đủ cơ sở kết luận chữ viết trên mẫu (giấy màu vàng ghi ngày 24/6/2021) cần giám định kí hiệu A4 so với chữ viết mang tên Trương Thị Tuyết S trên mẫu so sánh kí hiệu M3, M4 có phải do cùng một người viết ra hay không. Đối với mảnh giấy màu vàng ghi ngày 24/6/2021 có nội dung “*nợ 20 ngày = 140.000; 7 x 275 = 192.500 – 140.000 = 52.500; bé đem cho chị cung 52,500.000 và thu tiếp vào ngày 25/6*” không thể hiện ai trả cho ai và trả vào khoản tiền nào, không thể hiện việc tính lãi, không có chữ ký của chị S và chị S không thừa nhận việc này. Ngoài ra, chị L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình, nên không được chấp nhận. Mặt khác, tại Kết luận giám định số: 189/KLGD-PC09 ngày 19/11/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự thuộc Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Huỳnh Thị Kim L dưới mục “Bên vay” trên các tài liệu cần giám định kí hiệu từ A1 (A1 là ký hiệu của HĐ vay mượn tiền ghi ngày 31/01/2021 trong một vụ án khác) đến A16 và chữ viết mang tên Huỳnh Thị Kim L dưới mục “Bên vay” trên tài liệu cần

giám định kí hiệu A17 so với chữ ký, chữ viết mang tên Huỳnh Thị Kim L trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, **là do cùng một người ký và viết ra.**

Tại HĐ vay mượn tiền ngày 17/7/2021 (kí hiệu A1); ngày 25/7/2021 (kí hiệu A2); ngày 25/7/2021 (kí hiệu A3); ngày 04/8/2021 (kí hiệu A17) không đủ cơ sở kết luận giám định chữ ký của chị L có phải do cùng một người ký ra hay không. Tuy không đủ cơ sở kết luận chữ ký, nhưng tại kết luận giám định kết luận chữ viết mang tên Huỳnh Thị Kim L dưới mục “Bên vay” trên tài liệu cần giám định kí hiệu A1, A2, A3, A17 so với chữ viết mang tên Huỳnh Thị Kim L trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, M2 **là do cùng một người viết ra.** Nên đủ cơ sở khẳng định chính chị L là người ký vay tiền tại các hợp đồng vay tiền do nguyên đơn cung cấp (Từ bút lục 105 đến bút lục 120).

Bị đơn cho rằng đã thanh toán nợ cho chị S bằng tiền của chị L và tiền vay lại của chị S, nhưng chị L không lấy lại các giấy nợ, vì chị S nói giấy tờ này đã nằm trong sổ, xé ra sẽ rách sổ và chị S tính lãi suất quá cao, nhưng ngoài lời trình bày trên thì chị L chỉ cung cấp được mảnh giấy màu vàng đề ngày 24/6/2021 theo chị L thì đây là giấy chốt các khoản nợ của hai bên. Xét thấy, mảnh giấy màu vàng đề ngày 24/6/2021 có nội dung “*nợ 20 ngày = 140.000;  $7 \times 275 = 192.500 - 140.000 = 52.500$ ; bé đem cho chị cùng 52,500.000 và thu tiếp vào ngày 25/6*” không thể hiện ai trả cho ai và trả vào khoản tiền nào, không thể hiện việc tính lãi, không có chữ ký của chị S và chị S không thừa nhận việc này. Ngoài ra, chị L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh lời trình bày của mình là có căn cứ.

Do đó, từ các chứng cứ và tài liệu trên, đã có đủ cơ sở để kết luận: Từ ngày 10/3/2021 đến ngày 04/8/2021 chị S cho chị L vay tổng cộng 16 lần với số tổng số tiền là 1.641.000.000 đồng, trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận và có xác lập 16 “Hợp đồng vay tài sản”.

[2.2] Về lãi suất: Xét thấy cấp sơ thẩm đã áp dụng đủ, đúng các quy định của pháp luật để tính lãi suất đối với khoản nợ gốc 1.641.000.000 đồng nên cần chấp nhận.

Tổng lãi suất (gồm lãi suất trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả) mà bà L phải thanh toán cho bà S là 111.682.000 đồng.

[3] Từ những phân tích và nhận định trên, HĐXX xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bà Huỳnh Thị Kim L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Kim L, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Tuyết S.

Buộc chị Huỳnh Thị Kim L trả cho chị Trương Thị Tuyết S 1.810.561.000 đồng (một tỷ, tám trăm mười triệu, năm trăm sáu mươi một nghìn đồng), trong đó 1.641.000.000 đồng tiền nợ gốc và 169.561.000 đồng tiền nợ lãi.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị Kim L phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 60AA/2021/0000764 bà Huỳnh Thị Kim L nộp ngày 05/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea H'leo;
- Chi cục THA huyện Ea H'leo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Đình Triết**





